

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29-4-2020

“*V/v tranh chấp Ly hôn giữa*

*anh T, chị N*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Huệ

2. Ông Trần Quang Đương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh Vi-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1983

HKTT và nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984

HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp M, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai

(*Tại phiên tòa có mặt anh T, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn do hai bên tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình ngày 29/01/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N có quan hệ với người đàn ông khác, khi anh phát hiện khuyên bảo thì vợ chồng cãi nhau, từ tháng 8/2013 chị N bỏ về quê ở tỉnh Đồng Nai sinh sống. Tết năm 2014 anh có điện thoại bảo chị N quay về đoàn tụ nhưng chị N không về, từ đó đến nay thì thoảng anh có điện

thoại cho chị N nhưng chỉ nói chuyện với con. Nay anh thấy vợ chồng đã nhiều năm xa cách không còn quan tâm đến nhau, tình cảm thực sự không còn, anh xin được ly hôn chị N.

Anh T khai vợ chồng có hai con chung là Phạm Hồng T1, sinh ngày 19/8/2006 và Phạm Nguyễn Như Q1, sinh ngày 16/12/2009; hiện con T1 ở với anh T, con Q1 ở với chị N. Anh yêu cầu giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị N: Chị N có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là nơi giải quyết vụ án và xin giải quyết vắng mặt, trong các đơn chị N trình bày: Chị chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của anh T; chị khai vợ chồng có hai con chung và tình trạng nuôi con như anh T đã trình bày, chị xin được nuôi con Q1, con T1 để anh T nuôi dưỡng; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Vì lý do chị ở xa, chị xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn T cư trú tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại thành phố H, tỉnh Đồng Nai, chị N có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là nơi giải quyết vụ án, căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; bị đơn là chị Nguyễn Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị N xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 29/01/2006 là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị N đã về quê tại tỉnh Đồng Nai sinh sống từ tháng 8/2013 cho đến nay, anh chị không còn quan tâm đến nhau; nay anh T xin ly hôn, chị N cũng chấp nhận và đề nghị giải quyết vắng mặt. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân của anh chị thực tế từ nhiều năm nay chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị N thống nhất vợ chồng có hai con chung, từ khi chị N về quê sinh sống có đưa con nhỏ là Phạm Nguyễn Như Q1 theo và chăm sóc cho đến nay; anh T nuôi con lớn là Phạm Hồng T1. Nay anh chị đều yêu cầu giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với thực tế tình trạng nuôi con hiện nay và để tránh sự xáo trộn cuộc sống của các con, cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản chung: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị N đều không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Hồng T1, sinh ngày 19/8/2006; giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Nguyễn Như Q1, sinh ngày 16/12/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về chia tài sản: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004209 ngày 05 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Đ, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Liên**